

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



switch disconnecter, Compact
INS100, 100A, standard version
with black rotary handle, 4 poles

28909

Main

Range	ComPact
Product name	ComPacT INS
Product or component type	Switch disconnecter
poles description	4P
Network type	DC AC
Network frequency	50/60 Hz
[Ie] rated operational current	AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 440/480 V 2 poles in series AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 500 V 2 poles in series AC-22A: 100 A AC 50/60 Hz 660/690 V 4 poles in series AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 220/240 V 4 poles in series AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-23A: 100 A AC 50/60 Hz 500 V AC-23A: 63 A AC 50/60 Hz 660/690 V DC-22A: 100 A DC 50/60 Hz 125 V 2 poles in series DC-23A: 100 A DC 50/60 Hz 125 V 2 poles in series DC-22A: 100 A DC 50/60 Hz 250 V 4 poles in series DC-23A: 100 A DC 50/60 Hz 250 V 4 poles in series
[Ui] rated insulation voltage	750 V AC 50/60 Hz
[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV
[Ith] conventional free air thermal current	100 A at 60 °C
[Icm] rated short-circuit making capacity	154 kA with upstream protection circuit breaker 690 V AC at 50/60 Hz 20 kA switch-disconnector alone 690 V AC at 50/60 Hz
[Ue] rated operational voltage	250 V DC 690 V AC 50/60 Hz
Suitability for isolation	Yes
Contact position indicator	Yes
Visible break	No
Pollution degree	3

Complementary

Control type	Rotary handle
handle colour	Black
Mounting mode	Fixed
Mounting support	DIN rail Plate

Upside connection	Front
downside connection	Front
Maximum power	AC-23: 22 kW at 220/240 V AC 50/60 Hz AC-23: 45 kW at 380/415 V AC 50/60 Hz AC-23: 55 kW at 440 V AC 50/60 Hz AC-23: 55 kW at 500/525 V AC 50/60 Hz AC-23: 55 kW at 660/690 V AC 50/60 Hz
Rated duty	Uninterrupted
Intermittent duty class	Class 120 - 60 %
enclosure dimensions for lthe	260 mm x 160 mm x 55 mm
[Icw] rated short-time withstand current	0.01 kA during 30 s conforming to IEC 60947-3 1.23 kA during 20 s conforming to IEC 60947-3 3.175 kA during 3 s conforming to IEC 60947-3 5.5 kA during 1 s conforming to IEC 60947-3
Mechanical durability	15000 cycles
Electrical durability	AC-22A: 1500 cycles 220/240 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1500 cycles 380/415 V AC 50/60 Hz 4 poles in series AC-22A: 1500 cycles 440 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1500 cycles 500 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 220/240 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 380/415 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 440 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 500 V AC 50/60 Hz DC-22A: 1500 cycles 250 V DC 50/60 Hz 4 poles in series DC-23A: 1500 cycles 250 V DC 50/60 Hz 4 poles in series AC-22A: 1500 cycles 690 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 690 V AC 50/60 Hz 4 poles in series
Connection pitch	30 mm
Height	100 mm
Width	135 mm
Depth	62.5 mm
Net weight	0.9 kg

Environment

Standards	IEC 60947-1 IEC 60947-3
Product certifications	KEMA-KEUR CCC
IP degree of protection	IP40 conforming to IEC 60529
IK degree of protection	IK07 conforming to EN 50102
Ambient air temperature for operation	-25...70 °C
Ambient air temperature for storage	-50...85 °C

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	13.500 cm
Package 1 Width	11.800 cm
Package 1 Length	15.500 cm
Package 1 Weight	1.122 kg
Unit Type of Package 2	S03

Number of Units in Package 2	10
Package 2 Height	30.000 cm
Package 2 Width	30.000 cm
Package 2 Length	40.000 cm
Package 2 Weight	11.626 kg
Unit Type of Package 3	P12
Number of Units in Package 3	80
Package 3 Height	43.000 cm
Package 3 Width	80.000 cm
Package 3 Length	120.000 cm
Package 3 Weight	106.000 kg

Contractual warranty

Warranty	18 months
-----------------	-----------

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhân sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

Hiệu suất sức khỏe

Reach Free Of Svhc

Toxic Heavy Metal Free

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation [REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive [Compliant](#)
[EU RoHS Declaration](#)

China Rohs Regulation [China RoHS declaration](#)

Environmental Disclosure [Product Environmental Profile](#)

Weee [The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins](#)

Circularity Profile [End of Life Information](#)